TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13–ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27-8-2025
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – ĐỒNG NAI

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Trần Thị Hải Ly
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Xuân Hùng
  Ông Nguyễn Văn Cường

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kim Đức - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 13-Đồng Nai

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Đồng Nai tham gia phiên toà**:* Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 13 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 36/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2025 về việc "*Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 06/2025/QĐST - ST ngày 30 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên toà số 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1989
Nơi cư trú: Thôn D, xã Đ, tỉnh Đồng Nai "Có đơn xin giải quyết vắng mặt"
Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1986
Nơi cư trú: Thôn D, xã Đ, tỉnh Đồng Nai "Vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Bà H và ông Nguyễn Văn S chung sống với nhau từ năm 2012 do hai bên tự nguyện, không ai ép buộc, đến ngày 18/8/2016 có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đăk Ơ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (cũ) nay là xã Đăk Ơ, tỉnh Đồng Nai. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh P, sau đó phát sinh mâu thuẫn

do tính tình không hợp nhau, hay cãi nhau, khác biệt về quan điểm sống, ông S tH xuyên uống rượu, bà H và ông S đã sống ly thân từ tháng 9/2024 cho đến nay.

Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân chung sống hạnh P không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn với ông S.

Về nuôi con: Trong thời gian sống chung bà H và ông S có ba người con chung là Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 04/4/2013; Nguyễn Thị H, sinh ngày 28/7/2020 và Nguyễn Gia P, sinh ngày 13/6/2022. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được nuôi cả ba con chung cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu tòa án giải quyết

Về tài sản và nợ chung: Bà H và ông S tự thỏa thuận nên không yêu cầu tòa án giải quyết

Bị đơn ông Nguyễn Văn S vắng mặt nên trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đều thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về hướng giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn tự nguyện sống chung với nhau có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, sau đó phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không nói chuyện, chia sẻ được với nhau nên mâu thuẫn càng trầm trọng, hiện nay đã sống ly thân và nguyên đơn có nguyện vọng được ly hôn và nuôi cả ba con chung. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho nguyên đơn và bị đơn được ly hôn; giao con chung là Nguyễn Thị Hồng N, Nguyễn Thị H và Nguyễn Gia P cho nguyên đơn bà H nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết thì đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng*:

Bà Nguyễn Thị Thu H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn S, ông S hiện đang cư trú tại thôn Đăk Lim, xã Đăk Ơ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (cũ) nay là thôn thôn Đăk Lim, xã Đăk Ơ, tỉnh Đồng Nai. Tòa án nhân dân khu vực 13 – Đồng Nai xác định quan hệ pháp luật của vụ án là

"Ly hôn". Căn cứ vào các Điều 28; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 – Đồng Nai.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H có đơn xin giải quyết vắng mặt và bị đơn ông Nguyễn Văn S vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điều 227 và khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông S.

[2] *Về nội dung vụ án*:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông S được hình thành trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đăk Ơ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (cũ) nay là xã Đăk Ơ, tỉnh Đồng Nai ngày 18/08/2016 là đúng quy định pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu H, Hội đồng xét xử thấy: Bà H trình bày trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, vợ chồng không nói chuyện được với nhau, đời sống hôn nhân trở nên căng thẳng, mệt mỏi, không ai quan tâm đến ai. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương nơi ông bà H, ông S cư trú được biết vợ chồng bà H, ông S có xảy ra mâu thuẫn và hiện đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay; đại diện thôn Đăk Lim nhiều lần tiến hành hòa giải nhưng không có kết quả, từ những căn cứ trên cho thấy hôn nhân giữa bà H, ông S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H.

[2.2] Về con chung: Bà H và ông S có ba con chung là Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 04/4/2013; Nguyễn Thị H, sinh ngày 28/7/2020 và Nguyễn Gia P, sinh ngày 13/6/2022. Khi ly hôn bà H yêu cầu được nuôi dưỡng cả ba con chung. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án ông S không hợp tác mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc nhiều lần, đồng thời tại biên bản lấy lời khai của cháu Nguyễn Thị Hồng N có nguyện vọng được chung sống với mẹ là bà H. Do vậy, để bảo đảm quyền lợi, cũng như sự phát triển ổn định của con chưa thành niên nên cần giao cả 03 con chung cho bà H nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng

xét xử không xem xét.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Đồng Nai tại phiên tòa là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; 147; 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 51; 53; 56; 81; 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn ông Nguyễn Văn S.

2/ Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao cho bà Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 04/4/2013; Nguyễn Thị H, sinh ngày 28/7/2020 và Nguyễn Gia P, sinh ngày 13/6/2022 cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của luật này; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

3/ Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008440 ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (cũ) nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 13 – Đồng Nai.

4/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 13 -Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 13-Đồng Nai
- Các đương sự;
- UBND xã Đăk Ơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Hải Ly